| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHƯ XUÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA**<br>Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST<br>Ngày: 10-8-2017<br>V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp con chung. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Công Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Ký.

2. Bà Lê Thị Bảy.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Dương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân***: Không.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2016/TLST–HN&GĐ ngày 23 tháng 3 năm 2016 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn*: Chị Vi Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông*: Hoàng Đức Hiếu – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa – Chi nhánh số 4. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, Sinh năm: 1968; Địa chỉ: thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn Khởi kiện ngày 23 tháng 03 năm 2016 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Như Xuân, nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2002, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống, phong tục địa phương. Tuy nhiên, do thiếu hiểu biết về pháp luật và không coi trọng việc đăng ký kết hôn nên anh chị đã không đến

UBND xã nơi đăng ký hộ khẩu để đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới chị H và anh L sinh sống tại địa chỉ: thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường phát sinh cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau, không quan tâm đến nhau. Khoảng tháng 6/2014, xuất phát từ việc chị H đi làm xa, anh L có nghi ngờ ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị đến đỉnh điểm, không ai nghe ai và anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng để anh chị chấm dứt tình trạng hôn nhân này.

*Về con cái:* Quá trình sống chung anh chị không ai có con riêng và có 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là: Vi Thị H1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 30/9/2002 và cháu thứ hai tên là: Vi Thị H2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 02/10/2006. Hiện tại cả hai cháu đều đang sống cùng mẹ, khỏe mạnh phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Theo nguyện vọng của hai cháu là muốn được chung sống với mẹ, nên chị H đề nghị Toà án giải quyết được nuôi cả hai cháu Vi Thị H1 và Vi Thị H2 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho mỗi cháu, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H còn trình bày thêm là hiện nay anh L đang sống với một người phụ nữ khác và có với nhau 01 con nhỏ khoảng 6 tháng tuổi. Thời gian của anh L lại phụ thuộc thời điểm công việc, có lúc thì đi sáng về tối, có lúc phải ở lại nơi làm, thi thoảng mới về thăm nhà nên việc chăm sóc các con sẽ không đảm bảo. Mặt khác, chị H đã xin nghỉ việc ở xa về quê mở cửa hàng buôn bán, để trực tiếp nuôi con nên chị tha thiết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nuôi cả hai con chung.

*Về tài sản và công nợ chung**:*** anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:* Anh Lân thống nhất như lời trình bày của chị Hường về tình trạng hôn nhân và con chung, đồng thời cũng thừa nhận là do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định. Đến nay, anh Lân cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị H. Về con chung anh L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu thứ 2 là Vi Thị H2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 02/10/2006. Anh L cũng trình bày là hiện tại đang sống với người phụ nữ khác và có 01 con riêng khoảng 06 tháng tuổi. Công việc hiện tại của anh là làm nghề thợ mộc, khi công trình gần nhà thì anh đi buổi sáng tối về, còn nếu xa nhà thì anh đi làm ở lại thi thoảng về thăm nhà.

*Về tài sản và công nợ chung**:*** anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm:* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, cả chị H và anh Lân đều thừa nhận anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung và đến năm 2014 thì chị vợ chồng sống ly thân nhau do tính tình và quan điểm sống không hợp. Nay chị H nhất quyết xin được Tòa án công nhận không còn là vợ chồng với anh L. Xét thấy việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái với quy định của pháp luật, nay chị H xét thấy tình cảm không còn với anh L, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L và giao cả hai người con chung của anh chị cho chị Vi Thị H (Mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng (Theo nguyện vọng của các cháu vì hiện nay cả hai cháu đã trên 7 tuổi). Buộc anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi cháu hàng tháng là 1.000.000đ cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà chị Vi Thị H không có đề nghị thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh L tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2002, do hạn chế về hiểu biết pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nên quan hệ này không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng giữa anh chị với nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình thì chị H và anh L đủ điều kiện kết hôn với nhau, nhưng do mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian dài từ năm 2014 đến nay, thậm chí anh L đang sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác và có 01 con riêng khoảng 06 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ giữa chị H và anh L không có khả năng đoàn tụ, không cần thiết hướng dẫn cho anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật. Vì

vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

*Về con chung:* Chị H, anh L đều xác nhận có 2 con chung, gồm cháu thứ nhất tên là: Vi Thị H1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 30/9/2002 và cháu thứ hai tên là: Vi Thị H2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 02/10/2006. Cả hai cháu đều chưa đến tuổi trưởng thành và đều hơn 7 tuổi nên Tòa án đã lấy lời khai của các cháu theo quy định. Tại các biên bản lấy lời khai, cả hai cháu đều thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ. Anh L đã có gia đình riêng và một con nhỏ khoảng 6 tháng tuổi nên anh cần nhiều thời gian chăm sóc cho gia đình riêng. Hơn nữa, công việc của anh L thường xuyên xa nhà không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con chung với chị H được. Nếu giao con cho anh L thì anh cũng phải nhờ vợ thứ 2 của mình chăm sóc. Nhưng người vợ thứ hai này đang nuôi con nhỏ 06 tháng tuổi và chăm nom cửa hàng của gia đình nên cũng không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục các cháu tốt hơn so với chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu: Vi Thị Huyền1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 30/9/2002 và cháu: Vi Thị H2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 02/10/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cần thiết để đảm bảo các cháu được chăm sóc và giáo dục tốt nhất.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương, vào thu nhập của anh L và chị H cũng như nhu cầu ăn học của 2 cháu. Hội đồng xét xử xét thấy chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đối với mỗi cháu, cho đến khi các cháu trưởng thành là phù hợp cần chấp nhận.

Anh L có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung và anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh chị, không ai được ngăn cấm theo Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn chị Vi Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn L tự thoả thuận với nhau về phần tài sản và công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh chị có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án khác.

[4] *Về án phí và Quyền kháng cáo:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 8 và khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 quy định về lệ phí án phí Toà án thì chị H phải chịu 200.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình theo quy đinh của Pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh L phải chịu 200.000đ tiền án phí có giá ngạch vì là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:*** khoản 1 Điều 9; Điều 14; 15; 16; 69; 70; 71; 72; 73; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 BLTTDS. Điều 5; 18, 24, khoản 8 và khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 quy định về lệ phí án phí Toà án.

***Tuyên xử***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H.

*Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Vi Thị Hg và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

*Về con chung:* Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Văn L có hai con chung là cháu Vi Thị H1; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 30/9/2002 và cháu: Vi Thị H2; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 02/10/2006. Giao các cháu Vi Thị H1 và cháu Vi Thị H2 cho chị Vi Thị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

*Về cấp dưỡng:* Buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Vi Thị H1 và Vi Thị H2 mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu Vi Thị H1 và Vi Thị H2 đủ tuổi trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung của anh L là kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh L cấp dưỡng nuôi con chung thông qua chị Vi Thị H địa chỉ tại: Thôn Lâm Chính, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa .

*Anh L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.*

*Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*.

*Về tài sản và công nợ chung:* Các đương sự tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Vi Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2015/0002959 ngày 23 tháng 3 năm 2016, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Chị H đã thi hành xong tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch (Vì anh là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ).

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9*

*luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai có mặt Nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2017).

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Xuân;
- Chi cục THA DS huyện Như Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Công Tuấn**